

Bản án số: 09/2018/HSST

Ngày: 06/9/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KỲ SƠN, TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khiêm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phí Văn Bằng – Phó Chủ tịch Hội Nông dân huyện Kỳ Sơn.

Ông Nguyễn Văn Môn - Cán bộ hưu trí xã Mông Hóa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Hằng – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Công - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2018, tại Tòa án nhân dân huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 07/2018/HSST ngày 14/6/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2018/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 8 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn V, sinh ngày 11/3/1987 ; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ A, đội B, khu X, thị trấn X, huyện C, Thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 07/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1960 và bà Trịnh Thị N, sinh năm 1967; Bị cáo là con duy nhất trong gia đình. Vợ, con: chưa.

Tiền án: Ngày 13/8/2008 bị Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội xử phạt 12 (mười hai) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

Ngày 20/02/2009 bị Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội xử phạt 24 (hai mươi tư) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

Ngày 23/3/2011 bị Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội xử phạt 36 (ba mươi sáu) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/12/2017 đến nay được trích xuất và có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Thế A, sinh ngày 23/10/1984; tên gọi khác: Nguyễn Văn T Đỗ Văn T, T; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ N, khu X, thị trấn X, huyện C, Thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 06/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Nguyễn Xuân C (đã chết) và bà Đỗ Thị C, sinh năm 1957; Vợ, con: chưa; Gia đình bị cáo có 03 anh em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình.

Tiền án: Năm 2014 bị Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội xử phạt 39 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Ngày 05/4/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, Hà Nội xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản đối với hành vi phạm tội ngày 26/11/2017.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 02/01/2018 đến nay được trích xuất và có mặt tại phiên tòa.

3. Phạm Văn T, sinh ngày 20/7/1983; nơi ĐKKHKT: tổ 3, khu T, thị trấn X, huyện C, Thành phố Hà Nội. Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Kinh, tôn giáo: Không, trình độ văn hóa (học vấn) 01/12, nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Phạm Văn H, sinh năm 1952 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1953; đã ly hôn với chị Trịnh Thị P sinh năm 1982, bị cáo có 02 con, con thứ nhất sinh năm 2005 và con thứ hai sinh năm 2010. Gia đình bị cáo có 04 anh em, bị cáo là con thứ ba trong gia đình.

Tiền án: Ngày 07/12/2006 Tòa án Quân sự khu vực Quân khu thủ đô Hà Nội xử phạt 04 năm tù về tội Cố ý gây thương tích.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 28/12/2017 đến nay được trích xuất và có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

- Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1961 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: xóm D, xã M, huyện K, tỉnh Hòa Bình.

- Bà Bùi Thị A, sinh năm 1999, có mặt.

Địa chỉ: xóm V, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Duy T, sinh năm 1989 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Trú tại: xóm D, xã T, thành phố H, tỉnh Hòa Bình.

Người làm chứng:

Chị Nguyễn Thị A, sinh năm 1986, có mặt.

Trú tại: Tổ A, khu X, thị trấn X, huyện C, Thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 27/12/2017, tổ công tác Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Hòa Bình phối hợp với công an xã Hòa Bình, thành phố H tiến hành kiểm tra hành chính đối với Nguyễn Văn V thì phát hiện trong túi quần mà V đang mặc có 04 gói chứa chất bột màu trắng nghi là chất ma túy, V khai nhận là ma túy V mua để sử dụng cho bản thân. Quá trình điều tra V khai báo: Vào cuối tháng 12/2017, V hái bưởi ở nhà V sau đó mang đến khu vực bến xe G, Hà Nội bán lấy tiền. Tại đây, V gặp 01 người phụ nữ không quen biết hỏi có đổi bưởi lấy ma túy không? Vì bản thân là người nghiện ma túy nên V đồng ý. V đưa cho người phụ nữ 52 quả bưởi, người phụ nữ đưa lại cho V 04 gói ma túy. Ngày 27/12/2017 V mang 01 gói ma túy ra sử dụng một ít, sau đó cất giấu 04 gói ma túy vào người và đi từ nhà tại thị trấn X, huyện C, Hà Nội lên thành phố H chơi. Khi đi đến khu vực xóm M, xã H, thành phố H thì bị tổ Công tác phòng Hình sự Công an tỉnh Hòa Bình bắt quả tang cùng tang vật là 04 gói ma túy Việt đang cất giấu trong người.

Quá trình điều tra V còn khai báo đã cùng Nguyễn Thế A và Phạm Văn T thực hiện một số vụ trộm cắp trên địa bàn tỉnh Hòa Bình như sau:

Vụ thứ nhất: Do có mối quan hệ xã hội nên Nguyễn Văn V, Nguyễn Thế A

và Phạm Văn T đã thống nhất với nhau cùng thực hiện trộm cắp tài sản, sau đó bán lấy tiền để mua ma túy sử dụng và tiêu dùng cá nhân. Khoảng 01 đến 02 giờ sáng ngày 05/10/2017, Nguyễn Văn V điều khiển xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI VIVA không nhớ rõ biển kiểm soát do Thế A mượn của em gái là chị Nguyễn Thị Á) chở phía sau là Nguyễn Thế A và Phạm Văn T đi từ thị trấn X, huyện C, Hà Nội theo Quốc lộ 6 đến địa phận huyện K, tỉnh H. Thế A và T có mang theo kìm cộng lực, vạm phá khóa. Khi đi đến một nhà dân ven đường phía bên trái theo hướng Hà Nội – Sơn La (nhà bà Nguyễn Thị L), thấy không có ai ở nhà nên V dừng xe và ở bên ngoài canh giới, còn Thế A cùng với T trèo tường vào khuôn viên của nhà bà L. T và Thế A đã lấy trộm 01 xe mô tô Honda Wave alpha BKS 28F5-7057 ở hiên phía sau nhà rồi dắt xe ra cổng, vì cổng khóa nên T cùng Thế A dùng kìm để phá khóa cổng, dắt xe ra ngoài. Do không phá khóa, không khởi động được xe nên Thế A điều khiển xe BKS 28F5-7057, V điều khiển SUZUKI VIVA, T ngồi phía sau xe do V lái và dùng tay mình để kéo tay Thế A để cùng di chuyển theo hướng Hòa Bình – Hà Nội. Đi được một đoạn thì dừng lại, V tiến hành thực hiện phá ổ khóa sau đó nổ máy được xe BKS 28F5-7057. Cả 3 đi về nhà V tại thị trấn X, V một mình mang xe trộm cắp được đến quán cầm đồ 36 thuộc địa phận thôn Cổ Thổ do anh T làm chủ, V bán cho anh T với số tiền 2.000.000 đồng. Khi về đến nhà, V chia cho Thế A, T và V mỗi người 500.000 đồng, số tiền còn lại V cầm dùng mua thức ăn và ma túy về cho cả ba người cùng sử dụng.

Vụ thứ hai: Vào đêm ngày 26/10/2017, V điều khiển xe mô tô SUZUKI VIVA chở theo phía sau là Nguyễn Thế A đi từ Xuân Mai theo Quốc lộ 6 đến địa phận huyện Lương Sơn. Khi đi đến gần khu công nghiệp Lương Sơn, lợi dụng lúc không có người, V đứng ngoài canh giới, Thế A đột nhập vào bên trong lấy trộm 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave màu trắng BKS 28G1-183.18 của chị Bùi Thị A là công nhân làm việc trong khu công nghiệp Lương Sơn. Thế A lên xe BKS 28G1-183.18, V điều khiển xe Suzuki Viva đẩy xe BKS 28G1-183.18 đi đến khu vực thị trấn X. Sau đó, V mang chiếc xe trộm cắp được bán cho anh T được 3.600.000 đồng, V chia cho Thế A và V mỗi người 1.000.000 đồng, số tiền còn lại V và Thế A dùng để mua thức ăn và ma túy để cùng sử dụng chung.

Xác định có đủ căn cứ, ngày 28/12/2017, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hòa Bình đã tiến hành bắt khẩn cấp đối với Phạm Văn T. Ngày 02/01/2018 Nguyễn Thế A đã đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hòa Bình đầu thú.

Sau khi bị mất tài sản các bị hại Nguyễn Thị L và Bùi Thị A đã đến Cơ quan CSĐT công an huyện Kỳ Sơn và công an tỉnh Hòa Bình trình báo.

Ngày 28/12/2018 anh Nguyễn Duy T đã tự nguyện đến Cơ quan công an tỉnh Hòa Bình giao nộp 03 chiếc xe mô tô mà Nguyễn Văn V đã bán cho anh T. Trong vụ án này, anh Nguyễn Duy T là người đã mua 02 chiếc xe mô tô mà các bị cáo đã trộm cắp được (01 chiếc xe mô tô còn lại đã được bàn giao cho cơ quan Công an huyện Quốc Oai, Hà Nội để giải quyết theo thẩm quyền trong 01 vụ án trộm cắp tài sản khác do Nguyễn Văn V thực hiện). Quá trình điều tra xác định khi mua bán xe, anh T không biết đó là tài sản trộm cắp được mà có nên đồng ý mua xe. Đồng thời khi xác định được xe không có nguồn gốc hợp pháp, anh T đã tự nguyện đến Cơ quan điều tra để giao nộp. Vì vậy, cơ quan điều tra đã không xem xét xử lý hình sự đối với hành vi trên.

Đối với chị Nguyễn Thị Á là chủ sở hữu của chiếc xe SuZuKi Viva mà các bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội. Cơ quan CSĐT xác định chị Á không biết việc anh trai mình là Thế A sử dụng xe vào mục đích phạm tội nên cơ quan CSĐT không đề cập xử lý đối với chị Á.

Ngày 31/12/2017, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hòa Bình có kết luận giám định số 31/KLGD-CAT-PC54, kết luận: “04 chất bột màu trắng dạng cục trong phong bì niêm phong ghi tên đối tượng Nguyễn Văn V gửi giám định có tổng trọng lượng 0,41gram là ma túy, loại Heroine”.

Ngày 04/01/2018 Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Kỳ Sơn đã có kết luận: “Chiếc xe Honda BKS 28F5-7057 tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị là 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm ngàn đồng).

Ngày 15/3/2018 Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Lương Sơn đã có kết luận: “Chiếc xe Honda Wave BKS 28G1-183.18 tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị là 12.500.000 đồng (mười hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Ngày 10/5/2018, Viện pháp Y tâm thần trung ương ban hành kết luận giám

định pháp y tâm thần số 120, kết luận: “Trước, trong, sau khi thực hiện hành vi phạm tội và tại thời điểm giám định bị can Phạm Văn T bị bệnh chậm phát triển tâm thần vừa. Theo phân loại bệnh quốc tế lần thứ 10 năm 1992 bệnh có mã số F71. Tại các thời điểm trên bị can hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.”

Vật chứng vụ án: Quá trình điều tra, các bị cáo khai báo những công cụ như kìm cộng lực, vạm phá khóa, sau khi thực hiện hành vi trộm cắp, do thời gian trộm cắp thực hiện đã lâu nên không nhớ để ở đâu. Đến nay không tìm thấy nên Cơ quan điều tra không thu giữ được vật chứng.

Toàn bộ số vật chứng còn lại: 0,41gram heroine và 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave BKS 28G1 – 183.18 màu trắng đã qua sử dụng hiện đang được Cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Hòa Bình chuyển Chi cục thi hành án dân sự huyện Kỳ Sơn xử lý theo hồ sơ.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Thị L đã nhận lại xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha BKS 28F5-7057 và không có yêu cầu gì khác. Đối với ổ khóa cổng nhà bị hại L do bị cáo T và Thế A dùng kìm cộng lực để phá khóa, bà L không yêu cầu bồi thường. Bị hại Bùi Thị A đề nghị trao trả xe mô tô BKS 28G1-183.18 do bị cáo V và Thế A đã trộm cắp.

Theo nội dung trong đơn xin xét xử vắng mặt, anh T yêu cầu các bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường đối với số tiền mà anh T bỏ ra để mua 02 chiếc xe từ bị cáo V (5.600.000 đồng). Các bị cáo đều được hưởng lợi từ số tiền mà bị cáo V có được từ việc bán xe, vì vậy các bị cáo phải có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại trong vụ án do hành vi phạm tội gây ra.

Cáo trạng số: 18/CT-VKS-P2 ngày 13 tháng 6 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình truy tố bị cáo Nguyễn Văn V về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 BLHS 1999 (nay là điểm g, khoản 2 Điều 173 BLHS 2015) và tội Tàng trữ trái phép chất ma túy quy định tại điểm o, khoản 2, Điều 249 BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017; các bị cáo Nguyễn Thế A, Phạm Văn T về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS 1999 (nay là khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015).

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn V phạm tội “Trộm cắp tài sản” và “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Áp dụng điểm (c) khoản 2 Điều 138 BLHS 1999; điểm (r,s) khoản 1 Điều 51; điểm (g) khoản 1 Điều 52 và Điều 38 BLHS 2015 xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Việt từ 30 đến 36 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Áp dụng điểm (o) khoản 2 Điều 249 BLHS 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm (s) khoản 1 Điều 51 BLHS 2015; điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS 2015 và Điều 38 BLHS 2015 xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Việt từ 6 đến 7 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Áp dụng Điều 55 BLHS 2015 tổng hợp hình phạt hai tội danh, buộc bị cáo Nguyễn Văn V phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 8 năm 6 tháng đến 10 năm tù.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thế A phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 138 BLHS 1999; điểm (g) khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999; điểm (s) khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015; nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Thế A từ 24 đến 30 tháng tù. Áp dụng khoản 1 Điều 51 BLHS 1999 (nay là khoản 1 Điều 56 BLHS 2015 tổng hợp hình phạt 12 tháng tù giam của bản án số 50/HSST ngày 05/4/2018 của TAND huyện Chương Mỹ - Hà Nội buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án.

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 138 BLHS 1999; điểm (h) khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015; điểm (s,q) khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015 xử phạt bị cáo Phạm Văn T từ 18 đến 24 tháng tù.

Bị cáo Nguyễn Văn V có lời tự bào chữa: Viện kiểm sát truy tố bị cáo và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trách nhiệm dân sự và về vật chứng là chính xác là đúng người, đúng tội.

Bị cáo Nguyễn Thế A có lời tự bào chữa: Viện kiểm sát truy tố bị cáo và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trách nhiệm dân sự và về vật chứng là chính xác là đúng người, đúng tội.

Bị cáo Phạm Văn T có lời tự bào chữa: Viện kiểm sát truy tố bị cáo và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trách nhiệm dân sự và về vật chứng là chính xác là đúng người, đúng tội.

Bị cáo Nguyễn Văn V, bị cáo Nguyễn Thế A và bị cáo Phạm Văn T nói lời sau cùng và đề nghị Hội đồng xét xử cho hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng:

Các bị cáo Nguyễn Văn V, Nguyễn Thế A và Phạm Văn T phạm tội ở nhiều địa bàn khác nhau, trong đó có địa bàn huyện Kỳ Sơn tỉnh Hòa Bình.

Bị cáo Nguyễn Văn V bị truy tố về hai tội; tội Trộm cắp tài sản theo khoản 2 Điều 138 BLHS 1999 với mức hình phạt cao nhất của khung hình phạt là 07 năm tù và tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo khoản 2 Điều 249 BLHS 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 với mức hình phạt cao nhất của khung hình phạt là 10 năm tù thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân huyện Kỳ Sơn tỉnh Hòa Bình.

Các bị cáo Nguyễn Thế A, Phạm Văn T bị truy tố về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 138 BLHS 1999 với mức hình phạt cao nhất của khung hình phạt là 03 năm tù thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân huyện Kỳ Sơn tỉnh Hòa Bình.

Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Hòa Bình, Cơ quan điều tra Công an huyện Kỳ Sơn, Cơ quan điều tra Công an huyện Lương Sơn, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kỳ Sơn tỉnh Hòa Bình Kiểm sát trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, các bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và điều luật áp dụng:

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, phù hợp với hiện trường, biên bản thu giữ vật chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Nên có đủ cơ sở kết luận: Ngày 27/12/2017 tại khu vực xóm M, xã H, thành phố H, Nguyễn Văn V đã có hành vi tàng trữ trái phép trong người 04 gói ma túy nhằm mục đích sử dụng cá nhân.

Ngoài ra, vào ngày 05/10/2017, lợi dụng trong lúc nhà bà L không có ai ở nhà, V ở bên ngoài cảnh giới, Thế A cùng T đã lén lút lấy trộm 01 chiếc xe mô tô Honda Wave Alpha BKS 28F5-7057 màu sơn xanh trị giá 7.500.000 đồng. V đã mang chiếc xe trộm cắp được đến quán cầm đồ 36 do anh T làm chủ và bán cho anh T với số tiền 2.000.000 đồng. V chia cho Thế A, T và V mỗi người 500.000 đồng, số tiền còn lại V cầm dùng mua thức ăn và ma túy về cho cả ba người cùng sử dụng.

Vào ngày 26/10/2017, khi đi đến gần khu công nghiệp Lương Sơn, lợi dụng lúc không có người, V đứng ngoài cảnh giới, Thế A đột nhập vào bên trong lấy trộm 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave màu trắng BKS 28G1-183.18 của chị Bùi Thị A trị giá 12.500.000 đồng. Sau đó, V mang chiếc xe trộm cắp được bán cho anh T được 3.600.000 đồng, V và Thế A chia nhau mỗi người 1.000.000 đồng, số tiền còn lại V và Thế A dùng để mua thức ăn và ma túy để cùng sử dụng chung.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, trước khi thực hiện tội phạm các bị cáo không có sự phân công vai trò trách nhiệm rõ ràng. Ở vụ án thứ nhất bị cáo Thế A và T là người trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo V là đồng phạm với vai trò giúp sức. Ở vụ án thứ hai bị cáo Thế A là người trực tiếp thực hiện trộm cắp tài sản, bị cáo V là đồng phạm với vai trò giúp sức. Các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi của mình gây ra.

Trong vụ án này bị cáo V bị bắt quả tang tàng trữ trái phép chất ma túy, cụ thể là Heroine có khối lượng 0,41 gram. Quá trình điều tra V khai báo đã cùng đồng phạm thực hiện 02 hành vi trộm cắp tài sản với tổng giá trị chiếm đoạt tài sản là

20.000.000 đồng. Tại bản án số 36/2011/HSST ngày 23/3/2011 của TAND huyện Chương Mỹ, Tp Hà Nội xử phạt bị cáo V 36 tháng tù về tội trộm cắp tài sản với tình tiết định khung tái phạm nguy hiểm, chưa được xóa án tích nay lại phạm tội mới thì bị cáo Việt phải chịu trách nhiệm hình sự thuộc trường hợp “phạm tội 02 lần trở lên” và tình tiết định khung tái phạm nguy hiểm.

Trong vụ án này, bị cáo Thế A cùng đồng phạm thực hiện 02 hành vi trộm cắp tài sản với tổng giá trị chiếm đoạt tài sản là 20.000.000 đồng. Bị cáo Thế A chưa được xóa án tích đối với bản án hình sự sơ thẩm số 60/2014/HSST ngày 28/8/2014 của TAND huyện Mỹ Đức, Tp Hà Nội và bản án hình sự ngày 05/4/2018 của TAND huyện Chương Mỹ, Tp Hà Nội; hành vi phạm tội mới của bị cáo thuộc trường hợp phạm tội nhiều lần, tái phạm.

Trong vụ án này bị cáo T cùng đồng phạm thực hiện 01 hành vi trộm cắp tài sản với giá trị chiếm đoạt tài sản là 7.500.000 đồng. Bị cáo T chưa được xóa án tích đối với bản án hình sự sơ thẩm số 02/2007/HSST ngày 07/12/2006 của Tòa án Quân sự khu vực Quân khu thủ đô Hà Nội do T chưa chấp hành phần trách nhiệm dân sự; hành vi phạm tội mới của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm.

Như vậy, với những hành vi trên bị cáo V đã phạm tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 BLHS 1999 (nay là điểm g, khoản 2 Điều 173 BLHS 2015) và tội Tàng trữ trái phép chất ma túy quy định tại điểm o, khoản 2, Điều 249 BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017; bị cáo Nguyễn Thế A, Phạm Văn T đã phạm tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS 1999 (nay là khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015) như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội:

Hành vi trộm cắp nêu trên của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự của địa phương. Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy nhằm mục đích sử dụng cá nhân của bị cáo Việt là nghiêm trọng, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy được pháp luật hình sự bảo vệ. Các bị cáo biết rất rõ hành vi lén lút,

lợi dụng sơ hở của người khác để chiếm đoạt tài sản một cách bất hợp pháp và tác hại của ma túy; riêng đối với bị cáo Việt biết việc tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện hành vi phạm tội là thể hiện sự coi thường kỷ cương, pháp luật của Nhà nước.

[4] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét đến nhân thân và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ đối với các bị cáo:

Về nhân thân, các bị cáo có nhân thân xấu, là đối tượng nghiện chất ma túy.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo V phạm tội 2 lần trở lên thuộc trường hợp quy định tại điểm g, khoản 1, Điều 52 BLHS 2015; bị cáo Thế A phạm tội nhiều lần, tái phạm thuộc trường hợp quy định tại điểm (g) khoản 1 Điều 48 BLHS 1999; bị cáo T thuộc trường hợp tái phạm quy định tại điểm (h), khoản 1, Điều 52 BLHS 2015.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa; bị cáo V thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm (s) khoản 1 Điều 51 BLHS 2015 đối với tội Tàng trữ trái phép chất ma túy; bị cáo V tự thú khai báo ra các hành vi phạm tội trước đó của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm (r,s) Khoản 1 Điều 51 BLHS đối với tội Trộm cắp tài sản. Bị cáo Thế A đầu thú và thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm (s) Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 BLHS 2015. Bị cáo T thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm (s) Khoản 1 Điều 51 BLHS và bị cáo là người bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi thuộc trường hợp quy định tại điểm (q) khoản 1 Điều 51 BLHS 2015.

Từ những phân tích và nhận định như trên, HĐXX xét thấy các bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, có nhiều tiền án về tội trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích. Các bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân để cải tạo thành người có ích cho gia đình và xã hội mà lại tiếp tục phạm tội. Điều đó thể hiện khả năng khó tự cải tạo của các bị cáo. Bị cáo V, Thế A có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, có khả năng phân biệt đúng sai nhưng vẫn cố ý vi phạm pháp luật chỉ vì

không chịu lao động, muốn hưởng thành quả lao động của người khác. Do đó, cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ dài nhằm mục đích giáo dục các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, có ý thức tuân thủ pháp luật và các quy tắc của đời sống xã hội, đồng thời giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, đáp ứng nhu cầu phòng ngừa tội phạm chung trong toàn xã hội như đề nghị của đại diện VKSND huyện Kỳ Sơn tại phiên tòa hôm nay.

Về hình phạt bổ sung: xét thấy các bị cáo là các đối tượng nghiện ma túy, thường xuyên lang thang, không có nghề nghiệp vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Thị L đã nhận lại xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha BKS 28F5-7057 và không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xét đến. Bị hại Bùi Thị Abde nghị trao trả xe mô tô Honda Wave BKS 28G1-183.18 do các bị cáo V và Thế A đã trộm cắp và tại phiên tòa hôm nay không có yêu cầu gì thêm.

Theo nội dung trong đơn xin xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Duy T yêu cầu các bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường về số tiền mà anh T bỏ ra để mua 02 chiếc xe từ bị cáo V. Các bị cáo đều được hưởng lợi từ số tiền mà bị cáo V có được từ việc bán xe, vì vậy các bị cáo phải có trách nhiệm liên đới bồi thường do hành vi phạm tội của mình gây ra.

Xét thấy yêu cầu của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Duy T là có căn cứ và hợp pháp, tại phiên tòa các bị cáo chấp nhận bồi thường nên căn cứ Điều 48 BLHS 2015; các Điều 584, Điều 585, Điều 589 BLDS 2015 buộc các bị cáo có trách nhiệm liên đới bồi thường cho anh Nguyễn Duy T số tiền 5.600.000 đồng.

- Ở vụ án thứ nhất: Bị cáo V bán được chiếc xe mô tô Honda Wave alpha BKS 28F5-7057 cho anh Tvới giá 2.000.000 đồng và chia cho Thế A. T và V mỗi người 500.000 đồng, số tiền còn lại 500.000 đồng V mua thức ăn và ma túy cho cả ba người cùng sử dụng chung. Bị cáo V có trách nhiệm bồi thường cho anh T số tiền 667.000 đồng. Bị cáo Thế A có trách nhiệm bồi thường cho anh T số tiền 667.000 đồng. Bị cáo T có trách nhiệm bồi thường cho anh T số tiền 666.000 đồng.

- Ở vụ án thứ hai: Bị cáo V bán được chiếc xe mô tô BKS Wave trắng 28G1-183.18 cho anh T với giá 3.600.000 đồng, V và Thế A chia nhau mỗi người 1.000.000 đồng, số tiền còn lại 1.600.000 đồng V cùng Thế A mua thức ăn và ma túy cùng sử dụng chung. Mỗi bị cáo (V và Thế A) có trách nhiệm bồi thường cho anh T số tiền 1.800.000 đồng.

Cụ thể: Bị cáo V phải bồi thường cho anh T 2.467.000 đồng. Bị cáo Thế A phải bồi thường cho anh T 2.467.000 đồng. Bị cáo T phải bồi thường cho anh Trung 666.000 đồng.

[6] Về xử lý vật chứng:

Đối với 0,41gram Heroine là mẫu vật hoàn lại sau giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hòa Bình được niêm phong trong phong bì số 31/KLGD-CAT-PC54 là vật phẩm nhà nước cấm lưu hành nên cần tịch thu cho tiêu hủy.

Trả lại cho chị Bùi Thị A 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave BKS 28G1-183.18 (tình trạng vật chứng như trong Quyết định chuyển vật chứng ngày 13/6/2018 từ Cơ quan điều tra Công an tỉnh Hòa Bình đến Chi cục thi hành án dân sự huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình).

[7] Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn V phạm tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

+ Căn cứ vào điểm (c) khoản 2 Điều 138 BLHS 1999; điểm (r,s) khoản 1 Điều 51 BLHS 2015; điểm (g) khoản 1 Điều 52 BLHS 2015 và Điều 38 BLHS 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V 30 (ba mươi) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

+ Căn cứ điểm (o), khoản 2, Điều 249 BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm (s) khoản 1 Điều 51 BLHS 2015; điểm (g) khoản 1 Điều 52 BLHS

2015 và Điều 38 BLHS 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V 6 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng Điều 55 BLHS 2015 tổng hợp hình phạt hai tội danh, buộc bị cáo Nguyễn Văn V phải chấp hành hình phạt chung hai tội là 8 năm 6 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam 28/12/2017.

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thế A, Phạm Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

+ Căn cứ vào khoản 1 Điều 138 BLHS 1999; điểm (g) khoản 1 Điều 48 BLHS 1999; Điểm (s) khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thế A 24 (*hai mươi tư*) tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 51 BLHS 1999 (nay là khoản 1 Điều 56 BLHS 2015) tổng hợp hình phạt 12 tháng tù giam của bản án số 50/HSST ngày 05/4/2018 của TAND huyện Chương Mỹ- Hà Nội buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 36 tháng tù, được trừ đi ngày bị tạm giữ từ ngày 26/11/2017 đến ngày 29/11/2017 theo bản án số 50/HSST ngày 05/4/2018 của TAND huyện Chương Mỹ - Hà Nội. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam 02/01/2018.

+ Căn cứ khoản 1 Điều 138 BLHS 1999; điểm (h) khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015; điểm (s,q) khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015 - xử phạt bị cáo Phạm Văn T 18 (*mười tám*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam 28/12/2017.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 BLHS 2015; các Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 587 và Điều 589 BLDS 2015 buộc các bị cáo có trách nhiệm liên đới bồi thường cho anh Nguyễn Duy T số tiền 5.600.000 đồng, cụ thể:

Bị cáo Nguyễn Văn V phải bồi thường cho anh T 2.467.000 đồng.

Bị cáo Nguyễn Thế A phải bồi thường cho anh T 2.467.000đ

Bị cáo Phạm Văn T phải bồi thường cho anh T 666.000 đồng.

3. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự - Trả lại cho Bùi Thị A 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave

BKS 28G1-183.18 (tình trạng vật chứng như trong Quyết định chuyển vật chứng ngày 13/6/2018 từ Cơ quan điều tra Công an tỉnh Hòa Bình đến Chi cục thi hành án dân sự huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình).

Đối với 0,41gram Heroine là mẫu vật hoàn lại sau giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hòa Bình được niêm phong trong phong bì số 31/KLGD-CAT-PC54 là vật phẩm nhà nước cấm lưu hành nên cần tịch thu cho tiêu hủy.

4. Án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội - Buộc các bị cáo Nguyễn Văn V, Nguyễn Thế A và Phạm Văn T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo đối với bản án: Các bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- Bị hại;
- Bị cáo;
- NCQL và NVLQ;
- VKS h.Kỳ Sơn tỉnh HB;
- THA ;
- Sở tư pháp tỉnh Hòa Bình;
- TAND tỉnh Hòa Bình;
- Lưu hồ sơ + VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Khiêm

